

CHI NHÁNH CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO LÃNH SEOUL TẠI HÀ NỘI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021



CHI NHÁNH CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO LÃNH SEOUL TẠI HÀ NỘI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Người đại diện theo pháp luật	2
Báo cáo Kiểm toán độc lập	3
Các chỉ tiêu đánh giá tình hình tài chính của Chi nhánh	5
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 – DNPNT)	6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 – DNPNT)	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 – DNPNT)	11
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 – DNPNT)	12

CHI NHÁNH CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO LÃNH SEOUL TẠI HÀ NỘI

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy phép thành lập  
và hoạt động

Số 73GP/KDBH cấp ngày 26 tháng 8 năm 2014.

Giấy phép thành lập và hoạt động số 73/GPĐC1/KDBH thay đổi lần thứ 1 được cấp ngày 25 tháng 6 năm 2015. Giấy phép thành lập và hoạt động và các Giấy phép điều chỉnh do Bộ Tài chính cấp với thời gian hoạt động là 50 năm kể từ ngày cấp giấy phép thành lập và hoạt động đầu tiên số 73GP/KDBH ngày 26 tháng 8 năm 2014.

Ban Giám đốc

Ông Park You Hong  
Ông Hwang Soon Young

Giám đốc  
Phó Giám đốc

Người đại diện  
theo pháp luật

Ông Park You Hong

Giám đốc

Trụ sở chính

Phòng 901, Tầng 9, Tòa Đông, Lotte Center Hà Nội, 54 Liễu Giai, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội

# CHI NHÁNH CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO LÃNH SEOUL TẠI HÀ NỘI

## BÁO CÁO CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

### TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CHI NHÁNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Người đại diện theo pháp luật Chi nhánh Công ty Bảo hiểm bảo lãnh Seoul tại Hà Nội ("Chi nhánh") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Chi nhánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Người đại diện theo pháp luật được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi giả định đơn vị hoạt động liên tục là không phù hợp.

Người đại diện theo pháp luật Chi nhánh chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các số sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Chi nhánh với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính. Người đại diện theo pháp luật Chi nhánh cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Chi nhánh và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

### PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, tôi phê chuẩn báo cáo tài chính định kinh từ trang 6 đến trang 35. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Chi nhánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm đang hoạt động tại nước Việt Nam.



Người đại diện theo pháp luật/Giám đốc

TP. Hà Nội, nước CHXHCN Việt Nam  
Ngày 15 tháng 3 năm 2022

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CHỦ SỞ HỮU CỦA CHI NHÁNH CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO LÃNH SEOUL TẠI HÀ NỘI

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Chi nhánh Công ty Bảo hiểm bảo lãnh Seoul tại Hà Nội ("Chi nhánh") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2021 và được Người đại diện theo pháp luật phê chuẩn ngày 15 tháng 3 năm 2022. Báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 6 đến trang 35.

### Trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Chi nhánh chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Chi nhánh theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm đang hoạt động tại nước Việt Nam và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Người đại diện theo pháp luật xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Chi nhánh có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Chi nhánh liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Chi nhánh. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Người đại diện theo pháp luật cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Chi nhánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các Chi nhánh bảo hiểm đang hoạt động tại nước Việt Nam.

**Thay mặt và đại diện cho Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội**



Nguyễn Phi Lan  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
0573-2018-006-1  
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HAN 2935  
Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2022



Nguyễn Văn Nam  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
5082-2019-006-1

**CHI NHÁNH CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO LÃNH SEOUL TẠI HÀ NỘI**  
**CÁC CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CHI NHÁNH**

		2021	2020 (Số liệu đã báo cáo năm trước)	2020 (Điều chỉnh hồi tố)
<b>1.</b>	<b>Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</b>			
1.1	Bố trí cơ cấu tài sản			
	- Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản (%)	96,72	65,95	66,04
	- Tài sản dài hạn / Tổng tài sản (%)	3,28	34,05	33,96
1.2	Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn (%)	6,81	7,15	6,84
	- Vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn (%)	93,19	92,85	93,16
<b>2.</b>	<b>Tình thanh khoản</b>			
2.1	Khả năng thanh toán hiện hành (lần)	14,69	13,99	14,62
2.2	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (lần)	15,14	10,25	10,58
2.3	Khả năng thanh toán nhanh (lần)	14,49	10,13	10,42
<b>3.</b>	<b>Tỷ suất sinh lời</b>			
3.1	Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
	- Lợi nhuận trước thuế / (Doanh thu thuần + Hoa hồng nhượng tái) (%)	49,27	78,20	81,14
	- Lợi nhuận sau thuế / (Doanh thu thuần + Hoa hồng nhượng tái) (%)	43,35	62,29	72,71
3.2	Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
	- Lợi nhuận trước thuế / Tổng tài sản (%)	2,18	3,32	3,44
	- Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản (%)	1,92	2,64	3,08
3.3	Tỷ suất lợi nhuận trên nguồn vốn chủ sở hữu			
	- Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu (%)	2,06	2,85	3,30

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 35 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

## CHI NHÁNH CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO LÃNH SEOUL TẠI HÀ NỘI

Mẫu số B 01 – DNPNT

## BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2021 VND	2020 VND (Điều chỉnh hồi tố – Thuyết minh 4)
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		718.076.719.486	480.360.937.973
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	5	436.497.666.614	430.172.935.724
111	Tiền		16.357.025.146	16.915.289.480
112	Các khoản tương đương tiền		420.140.641.468	413.257.646.244
120	Đầu tư tài chính ngắn hạn		250.360.000.000	43.000.000.000
121	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6(a)	250.360.000.000	43.000.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		31.113.338.720	6.957.725.827
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	41.673.900.277	38.663.603.327
131.1	Phái thu về hợp đồng bảo hiểm		41.673.900.277	38.663.603.327
135	Các khoản phải thu khác	8(a)	28.941.843.945	5.057.271.233
139	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(39.502.405.502)	(36.763.148.733)
150	Tài sản ngắn hạn khác		105.714.152	56.995.345
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		105.714.152	56.995.345
190	Tài sản tái bảo hiểm		-	173.281.077
191	Dự phòng phí nhượng tài bảo hiểm		-	167.100.642
192	Dự phòng bồi thường nhượng tài bảo hiểm		-	6.180.435
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		24.361.933.911	247.039.343.402
210	Các khoản phải thu dài hạn		12.900.931.507	25.126.825.863
218	Phải thu dài hạn khác		12.900.931.507	25.126.825.863
218.1	Ký quỹ bảo hiểm bắt buộc	9	12.000.000.000	12.000.000.000
218.2	Phái thu dài hạn khác	8(b)	900.931.507	13.126.825.863
220	Tài sản cố định		202.325.843	336.479.505
221	Tài sản cố định hữu hình	10(a)	202.325.843	336.479.505
222	Nguyên giá		3.234.608.183	3.182.790.001
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(3.032.282.340)	(2.846.310.496)
227	Tài sản cố định vô hình	10(b)	-	-
228	Nguyên giá		204.440.000	204.440.000
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(204.440.000)	(204.440.000)
250	Đầu tư tài chính dài hạn		10.000.000.000	220.360.000.000
255	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6(b)	10.000.000.000	220.360.000.000
260	Tài sản dài hạn khác		1.258.676.561	1.216.038.034
261	Chi phí trả trước dài hạn		348.220.861	400.992.834
268	Tài sản dài hạn khác	11	910.455.700	815.045.200
70	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		742.438.653.397	727.400.281.375

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 35 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

## CHI NHÁNH CÔNG TY BẢO HIỂM BẦU LÃNH SEOUL TẠI HÀ NỘI

Mẫu số B 01 – DNPNT

BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN  
(TIẾP THEO)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm		
			2021 VND	2020 VND	(Điều chỉnh hồi tố – Thuyết minh 4)
300	NỢ PHẢI TRẢ		50.535.505.325	49.757.928.142	
310	Nợ ngắn hạn		47.413.870.091	45.414.739.281	
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	3.250.417.676	5.079.451.266	
316	Chi phí phải trả ngắn hạn		598.752.283	509.729.698	
318	Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng		-	56.814.219	
319	Phải trả ngắn hạn khác		80.628.066	183.122.819	
329	Dự phòng nghiệp vụ		43.484.072.066	39.585.621.279	
329.1	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	13(a)	27.355.929.019	31.845.900.553	
329.2	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	13(a)	9.835.039.441	2.299.676.606	
329.3	Dự phòng dao động lớn	13(b)	6.293.103.606	5.440.044.120	
330	Nợ dài hạn		3.121.635.234	4.343.188.861	
335	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	14	3.121.635.234	4.343.188.861	
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		691.903.148.072	677.642.353.233	
410	Vốn chủ sở hữu		691.903.148.072	677.642.353.233	
411	Vốn góp của chủ sở hữu	15, 16	600.000.000.000	600.000.000.000	
419	Quỹ dự trữ bắt buộc	16	5.314.032.711	4.600.992.969	
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	16	86.589.115.381	73.041.360.264	
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		73.041.360.264	51.767.377.555	
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		13.547.755.097	21.273.982.709	
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		742.438.653.397	727.400.281.375	

  
 Nguyễn Thị Văn  
 Người lập

  
 Hà Thị Minh Thu  
 Kế toán trưởng


Người đại diện theo pháp luật  
 Ngày 15 tháng 3 năm 2022

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 35 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

## CHI NHÁNH CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO LÃNH SEOUL TẠI HÀ NỘI

Mẫu số B 02 – DNPNT

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

## PHẦN I – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm	
		2021 VND	2020 VND
		(Điều chỉnh hồi tố – Thuyết minh 4)	
10	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	32.793.987.822	30.659.468.102
23	Doanh thu hoạt động tài chính	17.897.909.373	19.007.549.824
18	Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(9.079.518.537)	(2.469.986.553)
40	(Chi phí)/lợi nhuận khác	(984.020.916)	7.097.919
24	Chi phí hoạt động tài chính	(6.148.028.860)	(3.518.327.449)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	21 (18.271.098.615)	(18.695.286.726)
50	Tổng lợi nhuận ké toán trước thuế	16.209.230.267	24.990.515.117
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	22 (3.169.989.055)	(5.792.039.094)
52	Chi phí thuế TNDN hoàn lại	1.221.553.627	3.195.189.987
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	14.260.794.839	22.393.666.010



Nguyễn Thị Văn  
Người lập



Hà Thị Minh Thu  
Kế toán trưởng



Phan Thị Núi Hồng  
Người đại diện theo pháp luật  
Ngày 15 tháng 3 năm 2022

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 35 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

## CHI NHÁNH CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO LÃNH SEOUL TẠI HÀ NỘI

Mẫu số B 02 – DNPNT

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

## PHẦN II – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm		
		2021 VND	2020 VND	(Điều chỉnh hồi tố – Thuyết minh 4)
01	<b>Doanh thu phí bảo hiểm</b> Trong đó: 01.1 - Phí bảo hiểm gốc 01.3 - Giảm/(tăng) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	18	32.863.483.334 28.373.511.800 4.489.971.534	30.751.150.396 31.236.246.700 (485.096.304)
02	<b>Phí nhượng tái bảo hiểm</b> Trong đó: 02.1 - Tổng phí nhượng tái bảo hiểm 02.2 - (Giảm)/tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm		(105.296.232) 61.804.410 (167.100.642)	(138.912.566) (206.014.490) 67.101.924
03	<b>Doanh thu phí bảo hiểm thuần</b>		32.758.187.102	30.612.237.830
04	<b>Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm</b> Trong đó: 04.1 - Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm		35.800.720 35.800.720	47.230.272 47.230.272
10	<b>Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm</b>		32.793.987.822	30.659.468.102
13	<b>Tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</b>	13(a)	(7.535.362.835)	(828.410.798)
14	<b>Tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm</b>	13(a)	(6.180.435)	(1.823.112)
15	<b>Tổng chi bồi thường bảo hiểm</b>		(7.541.543.270)	(830.233.910)
16	<b>Tăng dự phòng dao động lớn</b>	13(b)	(853.059.486)	(930.906.966)
17	<b>Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm</b>		(684.915.781)	(708.845.677)
17.2	Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm		(684.915.781)	(708.845.677)
18	<b>Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm</b>		(9.079.518.537)	(2.469.986.553)
19	<b>Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm</b>		23.714.469.285	28.189.481.549

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 35 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

CHI NHÁNH CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO LÃNH SEOUL TẠI HÀ NỘI

Mẫu số B 02 – DNPNT

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

PHẦN II – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG (TIẾP THEO)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2021 VND	2020 VND (Điều chỉnh hồi tố – Thuyết minh 4)
23	Doanh thu hoạt động tài chính	19	17.897.909.373
24	Chi phí tài chính	20	(6.148.028.860)
25	<b>Lợi nhuận hoạt động tài chính</b>		<b>11.749.880.513</b>
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	(18.271.098.615)
30	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>17.193.251.183</b>
31	Thu nhập khác		18.766.585
32	Chi phí khác		(1.002.787.501)
40	<b>(Chi phí)/lợi nhuận khác</b>		<b>(984.020.916)</b>
50	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>16.209.230.267</b>
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	22	(3.169.989.055)
52	Chi phí thuế TNDN hoàn lại	22	1.221.553.627
60	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>		<b>14.260.794.839</b>
			<b>22.393.666.010</b>



Nguyễn Thị Vân  
Người lập



Hà Thị Minh Thu  
Kế toán trưởng



Park You Long  
Người đại diện theo pháp luật  
Ngày 15 tháng 3 năm 2022

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 35 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

## CHI NHÁNH CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO LÃNH SEOUL TẠI HÀ NỘI

Mẫu số B 03 – DNPNT

BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ  
(Theo phương pháp giản tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm		Điều chỉnh hồi tố – Thuyết minh 4)
		2021 VND	2020 VND	
<b>LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b> Điều chỉnh cho các khoản:	<b>16.209.230.267</b>	<b>24.990.515.117</b>	
02	Khảo hao và phân bổ tài sản cố định ("TSCĐ")	185.971.844	307.037.293	
03	Các khoản dự phòng	6.810.988.633	5.986.588.197	
04	Lỗ chênh lệch tỉ giá hối đoái chưa thực hiện	6.138.956.424	1.989.087.333	
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(17.897.909.373)	(16.758.298.630)	
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>11.447.237.795</b>	<b>16.514.929.310</b>	
09	Tăng các khoản phải thu	(3.105.707.450)	(4.592.684.988)	
11	Giảm các khoản phải trả	(2.706.303)	(33.360.051)	
12	Giảm/(tăng) các chi phí trả trước	4.053.166	(269.184.826)	
15	Thuế TNDN đã nộp	(5.066.602.729)	(3.710.912.119)	
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>3.276.274.479</b>	<b>7.908.787.326</b>	
<b>LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	Tiền chi mua tài sản cố định	(51.818.182)	(112.450.000)	
23	Chi tiền gửi ngân hàng	(40.000.000.000)	(233.360.000.000)	
24	Nhận tiền gửi ngân hàng	43.000.000.000	25.000.000.000	
27	Tiền thu lãi tiền gửi	6.239.231.017	4.031.881.584	
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>9.187.412.835</b>	<b>(204.440.568.416)</b>	
<b>LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	-	-	
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>6.346.682.539</b>	<b>(196.531.781.090)</b>	
60	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	5	<b>430.172.935.724</b>	<b>628.693.804.147</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(6.138.956.424)	(1.989.087.333)
70	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	5	<b>436.497.666.614</b>	<b>430.172.935.724</b>



Nguyễn Thị Vân  
Người lập



Ha Thị Minh Thu  
Kế toán trưởng



Park You Hong  
Người đại diện theo pháp luật  
Ngày 15 tháng 3 năm 2022

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 35 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CHI NHÁNH**

Chi nhánh Công ty Bảo hiểm bảo lãnh Seoul tại Hà Nội ("Chi nhánh") được thành lập tại nước Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 73GP/KDBH ngày 26 tháng 8 năm 2014 do Bộ Tài chính cấp với thời gian hoạt động là 50 năm kể từ ngày của Giấy phép. Giấy phép được điều chỉnh lần đầu tại Giấy phép điều chỉnh số 73/GPDC1/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 25 tháng 6 năm 2015.

Chủ sở hữu của Chi nhánh là Công ty Bảo hiểm Bảo lãnh Seoul, một công ty được thành lập ở Hàn Quốc. Chi tiết về tỷ lệ phần trăm góp vốn được trình bày ở Thuyết minh 15.

Hoạt động chính của Chi nhánh là kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, bao gồm các nghiệp vụ về bảo hiểm bảo lãnh, tái bảo hiểm, đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Chi nhánh là trong vòng 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Chi nhánh có 14 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 13 nhân viên).

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YÊU**

**2.1 Cơ sở của việc soạn lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài được thành lập và hoạt động theo pháp luật tại Việt Nam. Báo cáo tài chính được soạn thảo dựa theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

**2.2 Các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán áp dụng**

Để phản ánh bản chất hoạt động bảo hiểm bảo lãnh, Người đại diện theo pháp luật của Chi nhánh đã quyết định thay đổi chính sách ghi nhận phải thu bồi hoàn từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 như sau:

- Trong các năm trước, phải thu bồi hoàn không được ghi nhận vì Chi nhánh ghi nhận tiền bồi thường vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở thực thu từ khách hàng.
- Từ ngày 1 tháng 1 năm 2021, phải thu bồi hoàn được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán theo giá gốc. Dự phòng cho khoản phải thu bồi hoàn được đánh giá dựa trên mức độ tổng thể dự kiến có thể xảy ra (Thuyết minh 2.8).

Một vài số liệu so sánh đã được điều chỉnh lại do thay đổi chính sách kế toán của Chi nhánh. Chi tiết được trình bày tại thuyết minh 4.

**2.3 Năm tài chính**

Năm tài chính của Chi nhánh bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đồng Việt Nam ("VND" hoặc "đồng").

**2.5 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Chi nhánh thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thương mại tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Chi nhánh mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

**2.7 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Chi nhánh có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Người đại diện theo pháp luật Chi nhánh thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm kế toán.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn.

**2.8 Phải thu bồi hoàn**

Các khoản phải thu bồi hoàn là khoản phải thu từ khách hàng được bảo lãnh theo điều khoản hợp đồng và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Dự phòng cho khoản phải thu bồi hoàn được đánh giá dựa trên mức độ tổn thất dự kiến có thể xảy ra, Chi tiết như sau:

**Đối với khách hàng tổ chức:**

Dự phòng cho khoản phải thu bồi hoàn cho khách hàng tổ chức được đánh giá riêng cho từng trường hợp cụ thể.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YÊU (TIẾP THEO)**

**2.8 Phải thu bồi hoàn (tiếp theo)**

Đối với khách hàng cá nhân:

Dự phòng cho khoản phải thu bồi hoàn cho khách hàng cá nhân được đánh giá dựa trên tỷ lệ tổn thất trong vòng năm gần nhất.

Khoản phải thu bồi hoàn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo hạn còn lại tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thu hồi.

**2.9 Tài sản cố định ("TSCĐ")**

*TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình*

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kí.

*Khấu hao*

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Vật kiến trúc	5 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	5 năm
Phần mềm	5 năm

*Thanh lý*

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**2.10 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

**2.11 Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả về hợp đồng bảo hiểm là khoản phải trả liên quan đến hoạt động kinh doanh bảo hiểm;
- Phải trả khác cho người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ không liên quan đến hoạt động kinh doanh bảo hiểm; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại và không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thanh toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**2.12 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Chi nhánh có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

**2.13 Dự phòng nghiệp vụ**

Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ không được bù trừ các khoản dự phòng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc nhận tái bảo hiểm với dự phòng cho hoạt động nhượng tái bảo hiểm. Các khoản dự phòng này phải được trình bày riêng biệt trên các chỉ tiêu của bảng cân đối kế toán, trong đó các khoản dự phòng phi chưa được hưởng và dự phòng bồi thường của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm, dự phòng dao động lớn được phản ánh là nợ phải trả; dự phòng phi chưa được hưởng và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm.

Theo Thông tư 50/2017/TT-BTC được ban hành bởi Bộ Tài chính ngày 15 tháng 5 năm 2017 ("Thông tư 50"), Chi nhánh đã thực hiện thủ tục và đề nghị áp dụng/thay đổi phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ đến Cục quản lý giám sát bảo hiểm – Bộ Tài chính. Bộ Tài Chính đã phê duyệt và chấp thuận phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm của Chi nhánh tại Công văn số 14000/BTC-QLBH ("Công văn 14000") ngày 2 tháng 10 năm 2014.

**(a) Dự phòng phi chưa được hưởng ("UPR")**

Dự phòng phi chưa được hưởng ("UPR") là khoản dự phòng cho phần phí bảo hiểm tương ứng với phần rủi ro mà Chi nhánh phải gánh chịu tại ngày báo cáo và được hạch toán là một khoản nợ phải trả trong bảng cân đối kế toán.

Phương pháp trích lập dự phòng phi được dựa trên thời hạn của hợp đồng bảo hiểm. Dự phòng phi được ghi nhận theo tỷ lệ trên thời hạn của hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm áp dụng phương pháp trích lập dự phòng phi theo từng ngày theo công thức sau:

$$\text{Dự phòng phi chưa} \\ \text{được hưởng} = \frac{\text{Phi bảo hiểm giữ lại} \times \text{Số ngày bảo hiểm còn lại}}{\text{Tổng số ngày bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm}}$$

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**2.13 Dự phòng nghiệp vụ (tiếp theo)**

**(b) Dự phòng bồi thường**

Dự phòng bồi thường bao gồm những bồi thường đã được thông báo nhưng chưa được giải quyết ("OSLR") và những bồi thường cho các tổn thất đã xảy ra nhưng chưa được thông báo ("IBNR"), tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán, sau khi đã trừ đi những khoản thu hồi được từ nhượng tài bảo hiểm.

- OSLR được trích lập cho từng nghiệp vụ bảo hiểm theo phương pháp ước tính số tiền bồi thường cho từng tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã thông báo hoặc đã yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến thời điểm lập báo cáo tài chính chưa được giải quyết.
- IBNR là các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường tại thời điểm lập báo cáo tài chính, được trích lập theo tỷ lệ ba (3) phần trăm trên tổng doanh thu phí bảo hiểm giữ lại đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm.

**(c) Dự phòng dao động lớn**

Chi nhánh trích lập dự phòng dao động lớn theo hướng dẫn trong Thông tư 50 và Công văn 14000 theo tỷ lệ ba (3) phần trăm trên tổng doanh thu phí bảo hiểm giữ lại của tất cả các nghiệp vụ trong kỳ kế toán cho đến khi khoản dự phòng này bằng một trăm (100) phần trăm phí thực giữ lại trong năm.

**2.14 Quỹ dự trữ bắt buộc**

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập để bổ sung vốn điều lệ và đảm bảo khả năng thanh toán của Chi nhánh. Theo Nghị định 73/2016/NĐ-CP ban hành bởi Chính phủ Việt Nam ngày 1 tháng 7 năm 2016 ("Nghị định 73") về quy định chế độ tài chính với doanh nghiệp bảo hiểm, Chi nhánh phải trích năm (5) phần trăm lợi nhuận sau thuế hàng năm để lập quỹ dự trữ bắt buộc cho đến khi quỹ này bằng mươi (10) phần trăm mức vốn điều lệ của Chi nhánh.

**2.15 Ký quỹ bảo hiểm**

Theo Nghị định 73, Chi nhánh phải ký quỹ bằng 2% vốn pháp định đã góp tại một ngân hàng thương mại được ủy quyền tại Việt Nam. Chi nhánh được hưởng lãi trên khoản ký quỹ bảo hiểm và chỉ được phép rút khoản ký quỹ này khi chấm dứt hoạt động kinh doanh. Khoản ký quỹ bảo hiểm được sử dụng để hoàn thành nghĩa vụ được cam kết với người được bảo hiểm chỉ khi khả năng thanh toán của Chi nhánh không đủ đáp ứng và được sự chấp thuận trước của Bộ Tài chính.

**2.16 Ghi nhận doanh thu**

**(a) Doanh thu phí bảo hiểm**

Doanh thu bao gồm phí bảo hiểm và không bao gồm thuế giá trị gia tăng ("GTGT").

Doanh thu phí bảo hiểm được ghi nhận khi Chi nhánh phát sinh trách nhiệm bảo hiểm đối với bên mua bảo hiểm theo Thông tư 50. Cụ thể, doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi đáp ứng được những điều kiện sau:

1. Hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết giữa Chi nhánh và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm; hoặc
2. Có bằng chứng về việc hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết giữa Chi nhánh và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm; hoặc

**THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**2.16 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

**(a) Doanh thu phí bảo hiểm (tiếp theo)**

3. Khi hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết giữa Chi nhánh và bên mua bảo hiểm; nếu có thỏa thuận giữa Chi nhánh với bên mua bảo hiểm về thời hạn thanh toán phí bảo hiểm, cụ thể như sau:

- Trường hợp đóng phí bảo hiểm một lần; thời hạn thanh toán phí bảo hiểm không vượt quá 30 ngày kể từ ngày bắt đầu thời hạn bảo hiểm, Chi nhánh sẽ vẫn ghi nhận doanh thu phí bảo hiểm với hợp đồng bảo hiểm mặc dù bên mua bảo hiểm chưa đóng phí bảo hiểm.
- Trường hợp đóng phí bảo hiểm theo kỳ; kỳ thanh toán của kỳ đóng phí bảo hiểm đầu tiên không vượt quá 30 ngày kể từ ngày bắt đầu thời hạn bảo hiểm, Chi nhánh chỉ hạch toán doanh thu phí bảo hiểm tương ứng tại các kỳ đóng phí bảo hiểm phát sinh theo thỏa thuận. Phí bảo hiểm nhận trước khi đến hạn tại ngày lập báo cáo tài chính được ghi nhận ở phần "Phí bảo hiểm nhận trước" trên bảng cân đối kế toán.

Nếu bên mua bảo hiểm không đóng đủ phí bảo hiểm theo thời hạn thanh toán phí bảo hiểm được thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm, hợp đồng bảo hiểm sẽ tự chấm dứt hiệu lực khi hết thời hạn thanh toán phí bảo hiểm.

**(b) Thu nhập lãi**

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

**2.17 Phi nhượng tài bảo hiểm**

Phi nhượng tài bảo hiểm được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản giảm trừ đối với thu phí bảo hiểm gốc. Phi nhượng tài bảo hiểm được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo thời gian hiệu lực của nghiệp vụ.

Nghiệp vụ nhượng tài bảo hiểm không làm giảm trách nhiệm của Chi nhánh đối với khách hàng được bảo hiểm trong trường hợp các công ty nhận tài bảo hiểm không có khả năng hoàn thành các nghĩa vụ của họ theo hợp đồng tài bảo hiểm.

**2.18 Chi phí bồi thường**

Chi phí bồi thường và chi phí giám định được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phát sinh thực tế dựa trên điều kiện bù ước tính sẽ trả cho chủ hợp đồng bảo hiểm hoặc cho bên thứ ba bị thiệt hại bởi chủ hợp đồng bảo hiểm. Những chi phí này bao gồm phí giải quyết bồi thường trực tiếp và gián tiếp phát sinh từ các sự kiện xảy ra cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán.

**2.19 Các khoản thu hồi từ công ty nhận tài bảo hiểm**

Các khoản chi trả bồi thường được thu hồi từ các công ty nhận tài bảo hiểm theo các điều khoản của hợp đồng tài bảo hiểm.

**2.20 Doanh thu và chi phí hoa hồng**

Doanh thu hoa hồng là các khoản thu phí nhận được hoặc sẽ nhận được từ các công ty nhận tài bảo hiểm. Doanh thu hoa hồng được tính toán trên phí bảo hiểm gốc và được hạch toán trên cơ sở trích trước.

Doanh nghiệp bảo hiểm phí nhận thù phái theo dõi chi tiết các khoản doanh thu, chi phí hoa hồng bảo hiểm thực tế đã phát sinh trong kỳ cho từng loại hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc, nhận và nhượng tài bảo hiểm. Cuối kỳ kế toán, doanh nghiệp phải xác định khoản hoa hồng bảo hiểm chưa được tính vào doanh thu hoặc chi phí kỳ này tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm và chi phí nhượng tài bảo hiểm chưa được hưởng để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**2.20 Doanh thu và chi phí hoa hồng (tiếp theo)**

Khoản chi phí hoa hồng bảo hiểm phải trả thực tế đã phát sinh nhưng chưa được tính vào chi phí kinh doanh bảo hiểm của kỳ phát sinh được theo dõi trên khoản mục "Chi phí hoa hồng chưa phân bổ". Khoản doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm thực tế đã phát sinh nhưng chưa được ghi nhận vào doanh thu của kỳ phát sinh được theo dõi trên khoản mục "Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng".

**2.21 Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng**

Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng được ghi nhận như là một khoản nợ phải trả theo cách ghi nhận phí tài bảo hiểm và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo các điều khoản của hợp đồng tái bảo hiểm có liên quan.

**2.22 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ; và lỗ tỷ giá hối đoái.

**2.23 Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm**

Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động bảo hiểm bao gồm chủ yếu các chi phí lương cho nhân viên bán hàng và đại lý bảo hiểm, hoạt động quản lý bảo hiểm, chi phí hoa hồng, chi phí về hệ thống liên quan đến hoạt động bảo hiểm, chi phí quảng cáo, quỹ bảo vệ người được bảo hiểm và chi phí băng tiền khác.

**2.24 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Chi nhánh chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khẩu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài và chi phí khác.

**2.25 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại**

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

**THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YÊU (TIẾP THEO)**

**2.26 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Chi nhánh hoặc chịu sự kiểm soát của Chi nhánh, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Chi nhánh, bao gồm cả Công ty mẹ, Công ty con và Công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Chi nhánh mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Chi nhánh, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm Giám đốc của Chi nhánh, những thành viên mặt thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Chi nhánh chú ý tới bản chất của mỗi quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.27 Ước tính kế toán trọng yếu**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Người đại diện theo pháp luật Chi nhánh phải có những ước tính và giả định ánh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính bao gồm:

- **Ước tính dự phòng phải thu bồi hoàn (Thuyết minh 2.8 và 7);**
- **Ước tính dự phòng nghiệp vụ (Thuyết minh 2.13 và 13);** và
- **Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh 22).**

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Chi nhánh và được Người đại diện theo pháp luật Chi nhánh đánh giá là hợp lý.

**3 CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO**

**3.1 Cơ chế quản trị**

Mục đích chính của cơ chế quản trị rủi ro và quản lý tài chính là nhằm bảo vệ Chi nhánh từ các sự kiện cản trở Chi nhánh đạt được các mục tiêu tài chính một cách ổn định. Người đại diện theo pháp luật nhận thấy tầm quan trọng của một hệ thống quản trị rủi ro hiệu quả.

Chi nhánh đã thiết lập một bộ phận quản lý rủi ro với các điều khoản được thống nhất bởi Người đại diện theo pháp luật. Bộ phận này được bổ sung thêm với một cơ cấu tổ chức rõ ràng bằng các văn bản quy định trách nhiệm và quyền hạn từ Ban Giám đốc đến các lãnh đạo cấp cao khác. Một khung chính sách đã được phát triển và áp dụng, trong đó chỉ ra những rủi ro chủ yếu của Chi nhánh, các chuẩn mực về quản trị rủi ro, kiểm soát và tổ chức kinh doanh cho các hoạt động của Chi nhánh. Mỗi chính sách sẽ được Ban Giám đốc chịu trách nhiệm giám sát tinh túc đối với chính sách này trong toàn Chi nhánh.

**THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**3 CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO (TIẾP THEO)**

**3.2 Mục tiêu quản lý rủi ro, các chính sách và quy trình quản lý rủi ro bảo hiểm**

Hoạt động bảo hiểm chính được thực hiện bởi Chi nhánh là xây dựng các giả định về rủi ro tồn thắt liên quan đến cả nhân hoặc tổ chức là đối tượng liên quan trực tiếp đến rủi ro đó. Các rủi ro này có thể liên quan đến phạm vi của bảo hiểm bảo lãnh có thể phát sinh từ các sự kiện được bảo hiểm. Theo đó Chi nhánh chịu các rủi ro bồi thường chưa xác định rõ về thời điểm cũng như mức độ. Chi nhánh cũng chịu các rủi ro thị trường thông qua hoạt động bảo hiểm và đầu tư.

Chi nhánh quản lý rủi ro bảo hiểm của mình bằng hạn mức khai thác bảo hiểm, các quy trình thủ tục phê duyệt cho các giao dịch có liên quan đến sản phẩm mới hoặc các giao dịch vượt quá hạn mức, đa dạng hóa rủi ro, đưa ra nguyên tắc định giá, tái bảo hiểm và giám sát các vấn đề này sinh.

**3.3 Chiến lược kinh doanh bảo hiểm**

Chiến lược kinh doanh bảo hiểm của Chi nhánh với mục tiêu đa dạng hóa sản phẩm, kênh phân phối và tập trung vào sản phẩm có hiệu quả cao nhằm đảm bảo sự cân bằng giữa các hoạt động kinh doanh và được dựa trên một danh mục lớn với những rủi ro tương tự trong một số năm, và như vậy, làm giảm sự biến động của kết quả kinh doanh.

**3.4 Chiến lược kinh doanh tái bảo hiểm**

Chi nhánh tái bảo hiểm một phần các rủi ro bảo hiểm để kiểm soát khả năng lỗ và bảo hiểm an toàn vốn, thông qua hợp đồng tái bảo hiểm cố định và tạm thời. Các hợp đồng tái bảo hiểm chuyển giao một phần rủi ro và giới hạn rủi ro đối với từng hợp đồng bảo hiểm. Mức độ rủi ro giữ lại phụ thuộc vào đánh giá của Chi nhánh đối với mỗi loại rủi ro cụ thể, phụ thuộc vào từng hoàn cảnh nhất định, nhằm tối đa hóa mức rủi ro chấp nhận được dựa trên phân tích từng đặc tính rủi ro. Theo các điều khoản của hợp đồng tái bảo hiểm, người tái bảo hiểm đồng ý hoàn trả số tiền nhượng bảo hiểm trong trường hợp có tổn thất bảo hiểm. Tuy nhiên, Chi nhánh vẫn phải có trách nhiệm đối với chủ hợp đồng cho phần tái nếu nhà tái bảo hiểm không thể thanh toán cho phần nghĩa vụ của họ.

Các hợp đồng tái bảo hiểm chứa đựng rủi ro tín dụng, để giảm thiểu rủi ro, chỉ những công ty tái bảo hiểm đạt tiêu chuẩn đánh giá tín nhiệm của Chi nhánh theo các đánh giá công khai của các công ty chuyên về xếp hạng tín nhiệm, hoặc do đánh giá nội bộ, mới được phép tiến hành giao dịch.

**4 ĐIỀU CHỈNH HỎI TỐ**

Sau khi phát hành báo cáo tài chính của Chi nhánh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, Người đại diện theo pháp luật Chi nhánh đã quyết định điều chỉnh hỏi tố đối với báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

Điều chỉnh lại số liệu năm trước là điều chỉnh liên quan đến:

- Thay đổi chính sách kế toán về ghi nhận khoản phải thu bồi hoàn và dự phòng tương ứng (Thuyết minh 2.2, 2.8 và 7);
- Sửa đổi số liệu thuế TNDN liên quan đến ưu đãi TNDN theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP để ngày 25 tháng 9 năm 2020 ("Nghị định 114"). Trong năm 2021, Chi nhánh có thực hiện đánh giá lại điều kiện được hưởng ưu đãi thuế TNDN của Chi nhánh năm 2020 và kết luận Chi nhánh thỏa mãn các điều kiện này. Do vậy, số liệu thuế TNDN được điều chỉnh hỏi cho năm 2020 để phản ánh ưu đãi thuế TNDN (Thuyết minh 22).

**THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**4 ĐIỀU CHỈNH HỒI TÓ (TIẾP THEO)**

Bảng cân đối kế toán (các chỉ tiêu bị ảnh hưởng)

<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>			
<b>Mã Số</b>	<b>Số liệu đã báo cáo năm trước VND</b>	<b>Điều chỉnh hồi tố VND</b>	<b>Sau khi điều chỉnh lại VND</b>
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	- 38.663.603.327	38.663.603.327
131.1	Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	- 38.663.603.327	38.663.603.327
139	Dư phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	- (36.763.148.733)	(36.763.148.733)
<b>270</b>	<b>Tổng tài sản</b>	<b>725.499.826.781</b>	<b>1.900.454.594</b>
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	6.363.716.386	(1.284.265.120)
335	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	5.161.135.291	(817.946.430)
419	Quỹ dự trữ bắt buộc	4.440.599.583	160.393.386
421a	LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước	50.972.579.129	794.796.426
412b	LNST chưa phân phối năm nay	18.226.508.377	3.047.474.332
<b>440</b>	<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>725.499.826.781</b>	<b>1.900.454.594</b>

**Phần I – Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp (các chỉ tiêu bị ảnh hưởng)**

<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>			
<b>Mã số</b>	<b>Số liệu đã báo cáo năm trước VND</b>	<b>Điều chỉnh hồi tố VND</b>	<b>Sau khi điều chỉnh lại VND</b>
18	Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(7.184.396.055)	4.714.409.502
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(14.887.833.785)	(3.807.452.941)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	24.083.558.556	906.956.561
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	(7.815.890.575)	2.023.851.481
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	2.918.130.311	277.059.678
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	19.185.798.292	3.207.867.718

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**
**4 ĐIỀU CHỈNH HỎI TỐ (TIẾP THEO)****Phần II – Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo hoạt động (các chi tiêu bị ảnh hưởng)**

Mã số	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020		
	Số liệu đã báo cáo năm trước VND	Điều chỉnh hồi tố VND	Sau khi điều chỉnh lại VND
11 Chi phí bồi thường	(4.714.409.502)	4.714.409.502	-
11.1 Tổng chi bồi thường	(7.537.591.308)	7.537.591.308	-
11.2 Các khoản giảm trừ	2.823.181.806	(2.823.181.806)	-
26 Chi phí quản lý doanh nghiệp	(14.887.833.785)	(3.807.452.941)	(18.695.286.726)
50 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	24.083.558.556	906.956.561	24.990.515.117
51 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	(7.815.890.575)	2.023.851.481	(5.792.039.094)
52 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	2.918.130.311	277.059.676	3.195.189.987
60 Lợi nhuận sau thuế TNDN	19.185.798.292	3.207.867.718	22.393.666.010

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (các chi tiêu bị ảnh hưởng)**

Mã số	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020		
	Số liệu đã báo cáo năm trước VND	Điều chỉnh hồi tố VND	Sau khi điều chỉnh lại VND
01 Lợi nhuận kế toán trước thuế	24.083.558.556	906.956.561	24.990.515.117
03 Biến động dự phòng nghiệp vụ	2.179.135.256	3.807.452.941	5.986.588.197
08 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	11.800.519.808	4.714.409.502	16.514.929.310
09 Giảm/(tăng) các khoản phải thu	121.724.514	(4.714.409.502)	(4.592.684.988)

**5 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	2021 VND	2020 VND
Tiền mặt	2.281.959	186.650
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	16.354.743.187	16.915.102.830
Các khoản tương đương tiền (*)	420.140.641.468	413.257.646.244
	<b>436.497.686.614</b>	<b>430.172.935.724</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**6 ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	2021 VND	2020 VND
(a) Ngắn hạn Tiền gửi có kỳ hạn (*)	<u>250.360.000.000</u>	<u>43.000.000.000</u>
(b) Dài hạn Tiền gửi có kỳ hạn (**)	<u>10.000.000.000</u>	<u>220.360.000.000</u>

(\*) Các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn ở ngân hàng với kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng và lãi suất từ 2.1% đến 7.15%/năm (Năm 2020: từ 2.3% đến 5.9%/năm).

(\*\*) Các khoản đầu tư dài hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn ở ngân hàng với kỳ hạn còn lại trên 12 tháng và lãi suất từ 4.9% (Năm 2020: từ 5.5% đến 6.5%/năm).

**7 PHẢI THU NGÂN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	2021 VND	2020 VND	(Điều chỉnh hồi tố – Thuyết minh 4)
Phải thu bảo hiểm			
Phải thu bồi hoàn	41.673.900.277	38.663.603.327	
Dự phòng phải thu bồi hoàn	<u>(39.502.405.502)</u>	<u>(36.763.148.733)</u>	
	<u>2.171.494.775</u>	<u>1.900.454.594</u>	

Biến động của dự phòng phải thu bồi hoàn trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số đầu năm	36.763.148.733	32.955.695.792
Tăng dự phòng (Thuyết minh 21)	2.739.256.769	3.807.452.941
Số cuối năm	<u>39.502.405.502</u>	<u>36.763.148.733</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**8 PHẢI THU KHÁC**

		2021 VND	2020 VND
(a)	Ngắn hạn Phải thu về lãi tiền gửi ngân hàng	28.941.843.945	5.057.271.233
(b)	Dài hạn Phải thu về lãi tiền gửi ngân hàng	900.931.507	13.126.825.863

Đây là các khoản lãi tiền gửi từ các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản ký quỹ bảo hiểm bắt buộc vào cuối kỳ kế toán.

**9 KÝ QUỸ BẢO HIỂM BẮT BUỘC**

Khoản ký quỹ bảo hiểm bắt buộc bằng Đồng Việt Nam tại Ngân Hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam được hưởng lãi suất từ 4,3% đến 5,2%/năm. (Năm 2020: từ 5,2% đến 5,4%/năm).

**10 TSCĐ**

## (a) TSCĐ hữu hình

	Vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	1.719.177.273	1.269.316.364	194.296.364	3.182.790.001
Mua trong năm	-	-	51.818.182	51.818.182
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	<u>1.719.177.273</u>	<u>1.269.316.364</u>	<u>246.114.546</u>	<u>3.234.608.183</u>
<b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	(1.599.647.082)	(1.145.910.607)	(100.752.807)	(2.846.310.496)
Khấu hao trong năm	(34.090.000)	(123.405.757)	(28.476.087)	(185.971.844)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	<u>(1.633.737.082)</u>	<u>(1.269.316.364)</u>	<u>(129.228.894)</u>	<u>(3.032.282.340)</u>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	119.530.191	123.405.757	93.543.557	336.479.505
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	<u>85.440.191</u>	<u>-</u>	<u>116.885.652</u>	<u>202.325.843</u>

Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 2.881.680.001 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 1.548.727.273 Đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**10 TSCĐ (TIẾP THEO)**

## (b) TSCĐ vô hình

	Phản mêm VND
<b>Nguyên giá</b>	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	204.440.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	<u>204.440.000</u>
<b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	(204.440.000)
Khấu hao trong năm	<u>-</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	<u>(204.440.000)</u>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	<u>-</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	<u>-</u>

Nguyên giá TSCĐ vô hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 204.440.000 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 204.440.000 Đồng).

**11 TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC**

	2021 VND	2020 VND
Tiền đặt cọc thuê văn phòng	513.378.400	501.878.400
Tiền đặt cọc thuê nhà	393.529.700	309.619.200
Tiền đặt cọc thuê văn phòng	3.547.600	3.547.600
	<u>910.455.700</u>	<u>815.045.200</u>

**12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Biến động về thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước như sau:

	Tại ngày 1.1.2021 (Điều chỉnh hồi tố – Thuyết minh 4) VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Tại ngày 31.12.2021 VND
Thuế giá trị gia tăng	40.942.510	1.897.523.951	(1.836.389.720)	102.076.741
Thuế TNDN	5.008.088.169	3.169.989.055	(5.066.602.729)	3.111.474.495
Thuế nhà thầu nước ngoài	206.014	-	(206.014)	-
Thuế thu nhập cá nhân	30.214.573	467.471.101	(460.619.234)	36.866.440
	<u>5.079.451.266</u>	<u>5.534.984.107</u>	<u>(7.364.017.697)</u>	<u>3.250.417.676</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**13 DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ**

**(a) Dự phòng bồi thường và dự phòng phi chưa được hưởng**

	2021		2020	
	Nhượng tài bảo hiểm VND	Số thuần VND	Bảo hiểm gốc VND	Nhượng tài bảo hiểm VND
1. Dự phòng bồi thường	9.835.039.441	-	2.299.676.606	(6.180.435)
Trong đó:				2.293.496.171
-Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết	8.963.834.087	-	1.362.589.205	-
-Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo	851.205.354	-	937.087.401	(6.180.435)
2. Dự phòng phi chưa được hưởng	27.355.929.019	-	31.845.900.553	(167.100.642)
	<u>37.190.968.460</u>	<u>-</u>	<u>34.145.577.159</u>	<u>(173.281.077)</u>
	<u><u>=====</u></u>	<u><u>=====</u></u>	<u><u>=====</u></u>	<u><u>=====</u></u>



CHI NHÁNH CÔNG TY BẢO HIỂM BÁO LÃNH SEOUL TẠI HÀ NỘI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

13 DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ (TIẾP THEO)

(a) Dự phòng bồi thường và dự phòng phí chưa được hưởng (tiếp theo)

Biển động của dự phòng nghiệp vụ trong năm như sau:

	2021		2020	
	Nhượng tài bảo hiểm VND	Số thuần VND	Bao hiểm gốc VND	Nhượng tài bảo hiểm VND
Bao hiểm gốc VND				
1. Dự phòng bồi thường	2.299.676.606	(6.180.435)	2.293.496.171	1.471.265.808
Số dư đầu năm	7.535.362.835	6.180.435	7.541.543.270	828.410.798
Biến động trong năm				
Số dư cuối năm	9.835.039.441	-	9.835.039.441	2.299.676.606
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
2. Dự phòng phí chưa được hưởng	31.845.900.553	(167.100.642)	31.678.799.911	31.360.804.249
Số dư đầu năm	(4.489.971.534)	167.100.642	(4.322.870.892)	465.096.304
Biến động trong năm				
Số dư cuối năm	27.355.929.019	-	27.355.929.019	31.845.900.553
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
(b) Dự phòng dao động lớn				
			2021	2020
			VND	VND
Số dư đầu năm			5.440.044.120	4.509.137.154
Trích lập trong năm			853.059.486	930.906.966
Số dư cuối năm			6.293.103.606	5.440.044.120
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

**THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**14 THUẾ TNDN HOÀN LẠI**

	2021 VND	2020 VND	Điều chỉnh hồi tố – Thuyết minh 4)
Thuế TNDN hoàn lại phải trả	<u>3.121.635.234</u>	<u>4.343.188.861</u>	

Biến động về thuế TNDN hoàn lại trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	4.343.188.861	7.538.378.848
Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Thuyết minh 22)	<u>(1.221.553.627)</u>	<u>(3.195.189.987)</u>
Số dư cuối năm	<u>3.121.635.234</u>	<u>4.343.188.861</u>

**15 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn điều lệ được duyệt của Chi nhánh là 600.000.000.000 đồng và đã được góp đầy đủ bởi Công ty Bảo hiểm Bảo lãnh Seoul, một công ty được thành lập tại Hàn Quốc.

**16 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ dự trữ bắt buộc VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	600.000.000.000	3.481.309.668	50.972.579.129	654.453.888.797
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	19.185.798.292	19.185.798.292
Trích lập quỹ dự trữ bắt buộc	<u>-</u>	<u>959.289.915</u>	<u>(959.289.915)</u>	<u>-</u>
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (Số liệu đã báo cáo năm trước)	600.000.000.000	4.440.599.583	69.199.087.506	673.639.687.089
Điều chỉnh hồi tố (Thuyết minh 4)	<u>-</u>	<u>160.393.386</u>	<u>3.842.272.758</u>	<u>4.002.666.144</u>
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (Sau điều chỉnh hồi tố)	600.000.000.000	4.600.992.969	73.041.360.264	677.642.353.233
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	14.260.794.839	14.260.794.839
Trích lập quỹ dự trữ bắt buộc	<u>-</u>	<u>713.039.742</u>	<u>(713.039.742)</u>	<u>-</u>
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	<u>600.000.000.000</u>	<u>5.314.032.711</u>	<u>86.589.115.351</u>	<u>691.903.148.072</u>

**THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**17 CÁC CHI TIÊU NGOÀI BẰNG CẨN ĐỐI KÉ TOÁN**

(a) **Ngoại tệ các loại**

Bao gồm trong ngoại tệ các loại là khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền với số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 18.078.536,43 Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 18.047.607,59 Đô la Mỹ).

(b) **Tài sản thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang là 5.230.116.310 Đồng Việt Nam và 5.939.686.001 Đồng Việt Nam, tương ứng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và 31 tháng 12 năm 2020 (Thuyết minh 26).

**18 DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM**

	2021 VND	2020 VND
Doanh thu phí bảo hiểm gốc	30.667.835.900	32.419.208.200
- Bảo hiểm bảo lãnh tạm ứng	9.644.019.500	6.637.067.900
- Bảo hiểm bảo lãnh dự thầu	7.420.000	6.000.000
- Bảo hiểm bảo lãnh bảo hành	6.765.721.200	7.199.825.900
- Bảo hiểm bảo lãnh thực hiện hợp đồng	11.625.895.600	10.853.477.100
- Bảo hiểm bảo lãnh vay cá nhân	2.624.779.600	7.722.837.300
Các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc	<u>(2.294.324.100)</u>	<u>(1.182.961.500)</u>
	<u>28.373.511.800</u>	<u>31.236.246.700</u>
Giảm/(tăng) dự phòng phi chưa được hưởng cho doanh thu phí bảo hiểm gốc (Thuyết minh 13)	<u>4.489.971.534</u>	<u>(485.096.304)</u>
	<u>32.863.483.334</u>	<u>30.751.150.396</u>

**19 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2021 VND	2020 VND
Lãi tiền gửi	17.897.909.373	16.758.298.630
Lãi chênh lệch tỉ giá hối đoái đã thực hiện	-	720.011.078
Lãi chênh lệch tỉ giá hối đoái chưa thực hiện	-	1.529.240.116
	<u>17.897.909.373</u>	<u>19.007.549.824</u>

**20 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	2021 VND	2020 VND
Lỗ thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	6.138.956.424	3.518.327.449
Lỗ chênh lệch tỉ giá hối đoái đã thực hiện	9.072.436	-
	<u>6.148.028.860</u>	<u>3.518.327.449</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**21 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	2021 VND	2020 VND	(Điều chỉnh hồi tố – Thuyết minh 4)
Chi phí nhân viên	6.544.307.700	5.664.750.996	
Chi phí thuê văn phòng	6.237.884.380	5.922.036.500	
Trích lập dự phòng phải thu bồi hoàn (Thuyết minh 7)	2.739.256.769	3.807.452.941	
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	1.448.270.839	1.747.170.628	
Chi phí thiết bị văn phòng	607.979.670	319.985.127	
Chi phí khấu hao TSCĐ	185.971.844	307.037.293	
Chi phí khác	507.427.413	926.853.241	
	<hr/> <hr/> 18.271.098.615	<hr/> <hr/> 18.695.286.726	

**22 THUẾ TNDN**

Số thuế TNDN trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Chi nhánh khác với số thuế khi được tính theo thuế suất áp dụng 20% như sau:

	2021 VND	2020 VND	(Điều chỉnh hồi tố – Thuyết minh 4)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	16.209.230.267	24.990.515.117	
Thuế tính ở thuế suất 20%	3.241.846.052	4.998.103.023	
<i>Điều chỉnh:</i>			
- Chi phí không được khấu trừ	65.156.114	81.048.553	
- Thuế được giảm (*)	(1.358.566.738)	(2.482.302.469)	
Chi phí thuế TNDN (**)	<hr/> <hr/> 1.948.435.428	<hr/> <hr/> 2.596.849.107	
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:			
- Thuế TNDN - hiện hành	3.169.989.055	5.792.039.094	
- Thuế TNDN - hoãn lại (Thuyết minh 14)	(1.221.553.627)	(3.195.189.987)	
	<hr/> <hr/> 1.948.435.428	<hr/> <hr/> 2.596.849.107	

(\*) Chi nhánh được hưởng mức giảm 30% thuế TNDN năm 2021 và 2020 lần lượt theo Nghị định 92/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2021 và Nghị định 114/2020/NĐ ngày 25 tháng 9 năm 2020 liên quan đến giảm thuế TNDN áp dụng cho các doanh nghiệp có doanh thu trong năm dưới 200 tỷ Đồng Việt Nam. Người đại diện theo Pháp luật của Chi nhánh đánh giá rằng Chi nhánh đạt đủ những điều kiện để áp dụng mức giảm trừ theo Nghị định này cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và 31 tháng 12 năm 2020.

(\*\*) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**23 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Các hoạt động kinh doanh của Chi nhánh khiến cho Chi nhánh phải chịu rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Nhìn chung các chính sách quản lý rủi ro của Chi nhánh là nhằm giảm thiểu ảnh hưởng bất lợi tiềm tàng từ các rủi ro này đến kết quả hoạt động kinh doanh của Chi nhánh.

**(a) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro khi khách hàng hoặc đối tác trong các giao dịch công cụ tài chính không thực hiện được các nghĩa vụ hợp đồng, gây tổn thất tài chính cho Chi nhánh. Chính sách của Chi nhánh là chỉ giao dịch với các khách hàng có lịch sử tín dụng thích hợp nhằm giảm thiểu rủi ro tín dụng.

	2021 VND	2020 VND	
			(Điều chỉnh hồi tố – Thuyết minh 4)
Tài khoản thanh toán tại ngân hàng và các khoản tương đương tiền	436.497.666.614	430.172.749.074	111
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	250.360.000.000	43.000.000.000	311
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	41.673.900.277	38.663.603.327	111
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	10.000.000.000	220.360.000.000	111
Ký quỹ bảo hiểm bắt buộc	12.000.000.000	12.000.000.000	111
Các khoản phải thu khác	29.842.775.452	18.184.097.096	111
	<hr/> <u>780.374.342.343</u>	<hr/> <u>762.380.449.497</u>	

Tiền gửi ngân hàng và khoản ký quỹ bảo hiểm của Chi nhánh được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng.

Người đại diện theo pháp luật không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi và ký quỹ bảo hiểm này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Chi nhánh.

Khoản Phải thu hợp đồng bảo hiểm và Các khoản phải thu khác đã được đánh giá khả năng thu hồi và ghi nhận dự phòng phù hợp theo các chính sách của Chi nhánh.

**THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**23 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**(b) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Chi nhánh gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phải sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng:

	Giá trị ghi sổ VND	Dưới 1 năm VND
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021</b>		
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.250.417.676	3.250.417.676
Chi phí phải trả ngắn hạn	598.752.283	598.752.283
Phải trả ngắn hạn khác	80.628.066	80.628.066
Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	9.835.039.441	9.835.039.441
	<b>13.764.837.466</b>	<b>13.764.837.466</b>
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (Sau điều chỉnh lại)</b>		
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.079.451.266	5.079.451.266
Chi phí phải trả ngắn hạn	509.729.698	509.729.698
Phải trả ngắn hạn khác	183.122.819	183.122.819
Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	2.299.676.606	2.299.676.606
	<b>8.071.980.389</b>	<b>8.071.980.389</b>

**(c) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất.

**(i) Rủi ro tiền tệ**

Việc kinh doanh của Chi nhánh phải chịu rủi ro từ một số ngoại tệ, chủ yếu là từ Đô la Mỹ ("USD").

Rủi ro tỷ giá Đô la Mỹ của Chi nhánh được trình bày như sau:

	2021 VND	2020 VND
Tài khoản thanh toán tại ngân hàng bằng USD	1.976.637.943	1.295.903.834
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng bằng USD	407.140.641.468	413.257.646.244
	<b>409.117.279.411</b>	<b>414.553.550.078</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**23 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

(c) **Rủi ro thị trường (tiếp theo)**

(i) **Rủi ro tiền tệ (tiếp theo)**

Độ nhạy cảm của ngoại tệ

Bảng dưới đây mô tả độ nhạy cảm trong sự thay đổi có thể xảy ra của tỷ giá Đô la Mỹ, trong điều kiện các nhân tố khác không thay đổi, mà có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Chi nhánh (do thay đổi giá trị hợp lý của tài sản và nợ bằng tiền).

	Thay đổi tỷ giá Đô la Mỹ %	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế VND
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	+ 1 - 1	4.091.172.794 (4.091.172.794)
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	+ 1 - 1	3.316.428.401 (3.316.428.401)

(ii) **Rủi ro lãi suất**

Chi nhánh chịu ảnh hưởng từ rủi ro lãi suất, chủ yếu từ các khoản đầu tư vào tiền gửi có lãi suất cố định trong danh mục đầu tư của mình.

	2021 VND	2020 VND	(Điều chỉnh hồi tố – Thuyết minh 4)
<b>Các công cụ tài chính có lãi suất cố định</b>			
Tài khoản thanh toán tại ngân hàng và các khoản tương đương tiền	436.497.666.614	430.172.749.074	
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	250.360.000.000	43.000.000.000	
Ký quỹ bảo hiểm bắt buộc	12.000.000.000	12.000.000.000	
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	10.000.000.000	220.360.000.000	

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

## 24 RỦI RO BẢO HIỂM

**Quản lý vốn theo luật định**

Mục tiêu đầu tiên của Chi nhánh trong việc quản lý vốn là luôn luôn duy trì nguồn vốn đủ mạnh để hỗ trợ cho sự phát triển trong kinh doanh và đảm bảo yêu cầu về vốn pháp định. Chi nhánh nhận thức được những tác động đối với lợi nhuận của chủ sở hữu với mức độ vốn đã góp và tìm cách duy trì mức cản bằng thận trọng.

Yêu cầu về vốn pháp định phát sinh từ các hoạt động nghiệp vụ của Chi nhánh và tại Việt Nam yêu cầu Chi nhánh phải giữ nguồn vốn vừa đủ để trang trải nợ và đáp ứng các quy định về biên khả năng thanh toán tại Việt Nam. Các yêu cầu về đảm bảo khả năng thanh toán áp dụng cho Chi nhánh được quy định trong Thông tư 50.

Tỷ lệ biên thanh toán của Chi nhánh là một chỉ số về khả năng thanh toán chung đối với các hoạt động bảo hiểm có liên quan, được tính dựa trên những quy định tương ứng được ban hành bởi Bộ Tài chính.

	Biên khả năng thanh toán của Chi nhánh	Đơn vị: triệu VND	Tỷ lệ biên khả năng thanh toán
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	686.460	7.109	9.656,44%
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (Theo báo cáo đã phát hành)	668.448	7.758	8.616,70%
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (Sau điều chỉnh lại)	651.357	7.283	8.943,53%

## 25 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

	2021 VND	2020 VND
i) <b>Phi nhượng tái bảo hiểm gốc</b> Công ty bảo hiểm Bảo Lãnh Seoul – Công ty mẹ	-	206.014.440
ii) <b>Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm</b> Công ty bảo hiểm Bảo Lãnh Seoul – Công ty mẹ	-	70.044.927
iii) <b>Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt</b> Lương và các quyền lợi gộp khác	1.324.296.000	1.389.389.000

**THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**26 CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG**

Chi nhánh phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

	2021 VND	2020 VND
Dưới 1 năm	5.230.116.310	5.225.797.041
Từ 1 đến 2 năm	-	713.888.960
<b>Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu</b>	<b>5.230.116.310</b>	<b>5.939.686.001</b>

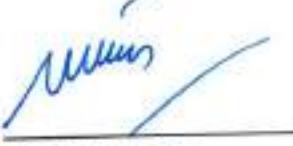
**27 VĂN ĐỀ KHÁC**

Sự lan rộng của Covid-19 từ đầu năm 2020 và sự ảnh hưởng của nó trong năm 2021 là một tình huống khó khăn và thách thức đối với hoạt động của Chi nhánh. Người đại diện theo pháp luật của Chi nhánh đã thực hiện đánh giá về tác động chung của tình huống này đối với hoạt động của Chi nhánh, bao gồm khả năng thu hồi giá trị ghi sổ của các tài sản, ghi nhận giá trị của các tài sản và nợ phải trả và cho rằng ảnh hưởng của Covid-19 là không trọng yếu đối với hoạt động của Chi nhánh trong tương lai gần. Người đại diện theo pháp luật của Chi nhánh sẽ tiếp tục theo dõi tình hình, có các hành động phù hợp và kịp thời để giảm thiểu tác động trong tương lai.

Báo cáo tài chính đã được Người đại diện theo pháp luật phê chuẩn ngày 15 tháng 3 năm 2022.



Nguyễn Thị Văn  
Người lập



Hà Thị Minh Thu  
Kế toán trưởng



Park You Hong  
Người đại diện theo pháp luật